

**NGHIÊN CỨU SỰ PHÂN BỐ THEO SINH CẢNH CỦA MỘT SỐ HỌ  
BƯỚM NGÀY (RHOPALOCERA: LEPIDOPTERA)  
Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN EASÔ, TỈNH ĐẮK LẮK**

**BÙI THỊ QUỲNH HOA**

*Trường Đại học Tây Nguyên*

**LÊ TRỌNG SƠN**

*Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

Khu Bảo tồn thiên nhiên (Khu BTTN) EaSô nằm trên địa bàn xã EaSô, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk kéo dài từ 12<sup>0</sup>53'18'' đến 13<sup>0</sup>02'12'' độ vĩ Bắc và từ 108<sup>0</sup>28'48'' đến 108<sup>0</sup>43'54'' độ kinh Đông với tổng diện tích là 26.926 ha. Khu BTTN EaSô là một trong những khu rừng đặc dụng của tỉnh Đắk Lắk thuộc vùng sinh thái dãy Trường Sơn. Đây là vùng hội tụ đầy đủ các kiểu thảm thực vật đặc trưng, đại diện cho vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ. Vùng có kiểu rừng chính là rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá.

Nghiên cứu sự phân bố theo sinh cảnh của các loài bướm ngày (Rhopalocera) ở các vườn quốc gia và khu bảo tồn có ý nghĩa quan trọng cho việc bảo vệ đa dạng và đánh giá vai trò của chúng. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu một cách đầy đủ về một số họ bướm ngày ở Khu BTTN EaSô.

**I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Tiến hành trên 4 tuyến, qua các sinh cảnh đặc trưng của Khu BTTN với diện tích 26.926 ha thuộc phạm vi hành chính huyện Eakar của tỉnh Đắk Lắk. Sử dụng bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng, thiết bị định vị toàn cầu GPS để xác lập các tuyến điều tra đại diện cho dạng địa hình, kiểu rừng, sinh cảnh khác nhau. Điều tra, thu thập và xử lý mẫu vật: Điều tra theo tuyến định lượng và định tính, thu thập và xử lý mẫu vật theo phương pháp thường quy.

Định loại: Sử dụng các tài liệu chuyên khảo: Ackery P. R. & Vane - Wright R. I (1984); Monastyrskii và Devyatkin (2003). Phân chia sinh cảnh: Chúng tôi đã phân chia khu vực nghiên cứu thành 4 kiểu sinh cảnh như sau: Rừng thường xanh nhiệt đới ẩm (RTX), rừng ven suối (RVS), rừng thuần nhất tre nứa (RTN), rừng trồng (RT).

**II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

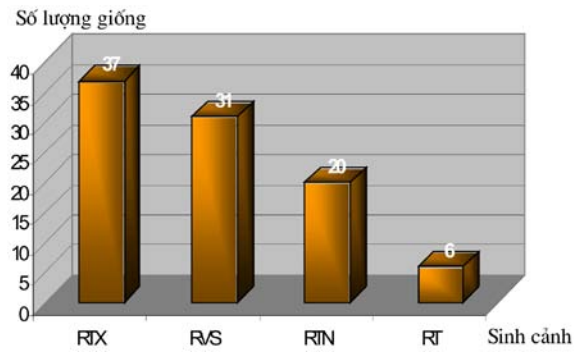
**1. Mức độ đa dạng loài theo sinh cảnh**

*Bảng 1*

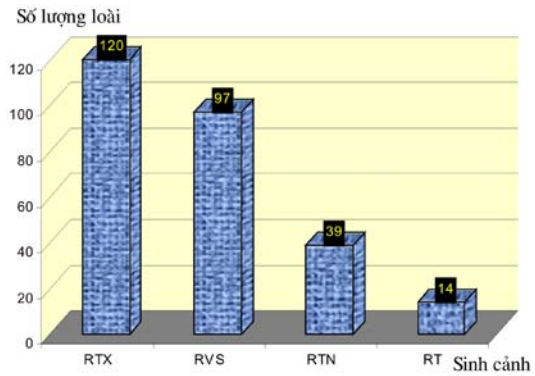
**Phân bố các giống, loài trong 4 họ bướm ngày ở Khu BTTN EaSô**

Họ	Loài		Giống	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nymphalidae	56	40,87	24	53,34
Danaidae	29	21,17	5	11,11
Papilionidae	29	21,17	6	13,33
Pieridae	23	16,79	10	22,22
<b>Tổng số</b>	<b>137</b>	<b>100</b>	<b>45</b>	<b>100</b>

Đã xác định được 137 loài thuộc 4 họ, 45 giống (Bảng 1). Mức độ đa dạng của các bậc phân loại phân bố trong các sinh cảnh được trình bày ở Hình 1 và Hình 2. Hình 1 và 2 cho thấy sự đa dạng và phân bố của giống và loài trong các sinh cảnh được sắp xếp như sau: Rừng thường xanh nhiệt đới ẩm (120 loài, 37 giống) > rừng ven suối (97 loài, 31 giống) > rừng tre nửa thuần nhất (39 loài, 20 giống) > rừng trồng (14 loài, 6 giống).



Hình 1: Sự phân bố của bậc giống trong các sinh cảnh



Hình 2: Sự phân bố của bậc loài trong các sinh cảnh

## 2. Đặc điểm phân bố loài theo sinh cảnh

Kết quả phân tích về sự phân bố các loài trong các kiểu sinh cảnh cho thấy, phân bố trong một kiểu sinh cảnh có độ đa dạng cao nhất với 58 loài, 19 giống; phân bố trong 2 kiểu sinh cảnh có 44 loài, 12 giống; phân bố trong 3 kiểu sinh cảnh có 26 loài, 9 giống; phân bố trong 4 kiểu sinh cảnh có 9 loài, 5 giống (Bảng 2). Điều này chứng tỏ đa số các loài bướm ngày phân bố hẹp trong một sinh cảnh đặc trưng nhất định. Số lượng loài bướm ghi nhận trong một sinh cảnh duy nhất (Bảng 3).

Bảng 2

Số lượng loài phân bố trong các kiểu sinh cảnh

Họ	1 kiểu sinh cảnh	2 kiểu sinh cảnh	3 kiểu sinh cảnh	4 kiểu sinh cảnh
Papilionidae	16	9	4	0
Nymphalidae	21	17	14	4
Danaidae	13	11	3	2
Pieridae	8	7	5	3
<b>Tổng số</b>	<b>58</b>	<b>44</b>	<b>26</b>	<b>9</b>

Bảng 3

Số lượng loài bướm chỉ phân bố trong một sinh cảnh

Họ	RTX	RTN	RT	RVS
Papilionidae	9	0	0	7
Nymphalidae	9	0	6	6
Danaidae	5	1	0	7
Pieridae	1	3	3	1
<b>Tổng số</b>	<b>24</b>	<b>4</b>	<b>9</b>	<b>21</b>

Qua Bảng 3 cho thấy trong số 58 loài, 19 giống ghi nhận có phân bố hẹp trong 1 sinh cảnh, phần lớn là các loài thuộc họ Nymphalidae (21 loài), họ Papilionidae (16 loài), họ Danaidae (13 loài) và cuối

cùng là họ Pieridae (8 loài). Trong số 58 loài, 19 giống ghi nhận phân bố hẹp trong 1 sinh cảnh, đa số sinh sống trong sinh cảnh rừng thường xanh nhiệt đới ẩm (24 loài), tiếp theo chúng sinh sống trong sinh cảnh rừng ven suối (21 loài), rừng trồng (9 loài) và ít nhất là rừng tre nứa thuần nhất (4 loài).

Số lượng loài bướm chỉ phân bố trong sinh cảnh rừng thường xanh nhiệt đới ẩm và rừng ven suối chiếm 77,59% số loài phân bố hẹp và bằng 32,85% tổng số loài bướm có mặt trong Khu BTTN EaSô. Các loài này có thể sử dụng như là các chỉ thị sinh học của khu vực nghiên cứu.

### III. KẾT LUẬN

Với điều kiện tự nhiên đặc trưng của vùng nghiên cứu được phân chia thành 4 sinh cảnh, đó là rừng thường xanh nhiệt đới ẩm, rừng ven suối, rừng thuần tre nứa và rừng trồng, trong đó sự đa dạng của các bậc phân loại phân bố trong các sinh cảnh của Khu BTTN EaSô được sắp xếp theo thứ tự sau: rừng thường xanh nhiệt đới ẩm (120 loài, 37 giống) > rừng ven suối (97 loài, 31 giống) > rừng tre nứa thuần nhất (39 loài, 20 giống) > rừng trồng (14 loài, 6 giống). Trong đó, chỉ phân bố ở 1 kiểu sinh cảnh 58 loài, 19 giống; phân bố trong 2 kiểu sinh cảnh có 44 loài, 12 giống; phân bố trong 3 kiểu sinh cảnh có 26 loài, 9 giống; phân bố trong 4 kiểu sinh cảnh có 9 loài, 5 giống.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akery P. R., R. & Vane-Wright R. I., 1984: Milkweed Butterflies: Their Cladiistics and Biology. British Museum (Natural History), London.
2. Dự án SPAM-Việt Nam, 2003: Sổ tay hướng dẫn giám sát và điều tra đa dạng sinh học. NXB. Giao thông - Vận tải, Hà Nội.
3. Lê Trọng Sơn và nnk., 2011: Báo cáo Khoa học tại Hội nghị Côn trùng quốc gia lần thứ 7, tr. 246-251. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Monastyskii A. L. & Devyatkin A. L., 2003: Butterflies of Vietnam (an illustrated checklist). Thong Nhat Printing House, 56pp. + 14 pl.
5. Thái Văn Trùng. 1978: Thảm thực vật rừng Việt Nam. NXB. KH&KT, Hà Nội.

### THE DISTRIBUTION IN DIFFERENT HABITATS OF BUTTERFLIES (RHOPALOCERA: LEPIDOPTERA) IN EASO NATURE RESERVE, DAK LAK PROVINCE

BUI THI QUYNH HOA, LE TRONG SON

#### SUMMARY

The study of butterflies (Rhopalocera: Lepidoptera) composition and their distribution was carried out from January 2008 to October 2010 in different habitats of EaSo Nature Reserve, Dak Lak province, an important area of biodiversity for Tay Nguyen in Viet Nam. A total of 137 species, 45 genera and 4 families was recorded, among them 27 species were first recorded in Dak Lak province and 19 species in Tay Nguyen area. There were 120 species and 37 genera collected in tropical evergreen rain forest (RTX); 97 species and 31 genera in stream forest (RVS); 39 species and 20 genera in bamboo monoculture forest (RTN); 14 species and 6 genera in artificial forest (RT).